TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 18/8/2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân và bà Bùi Thị Vân Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX/HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *NguY đơn*: Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1985;

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989;

Đều có HKTT: Thôn An K, xã Đại X, thành phố Hà Nội.

Anh H có mặt, chị L xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguY đơn anh Đoàn Văn H trình bày:

Về tình cảm: Anh H với chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn từ tháng 01/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc T, huyện Phú X (cũ). Sau khi cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, chị L thiếu chăm lo gia đình lại hay ghen tuông, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày thêm trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không có, anh đề nghị được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Đoàn Mạnh Q sinh ngày 14/10/2012 và Đoàn Nguyễn Bình Y sinh ngày 17/7/2016. Anh đề nghị

được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, Công nợ chung vợ chồng: Không có, anh không yêu cầu Tòa xét.

Về phía bị đơn, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về tình cảm: Chị L xác nhận kết hôn với anh Đoàn Văn H, từ tháng 01/2012 , là hôn nhân tự nguyện. Mâu thuẫn là do anh hay đi làm xa trong khi chị muốn anh về gần với gia đình nhưng anh từ chối và cũng không gửi tiền cho chị nuôi con trong thời gian các cháu ở với chị, hơn nữa, anh H không chung thủy, nên đến năm 2021 thì anh chị đã ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không muốn anh H dễ dàng được ly hôn, nên chị từ chối hòa giải và không thuận tình ly hôn.

Về con chung: Xác nhận, vợ chồng có hai con chung là cháu Đoàn Mạnh Q, sinh ngày 14/10/2012 và Đoàn Nguyễn Bình Y sinh ngày 17/7/2016 như anh H trình bày. Chị đồng ý giao cả 02 con chung cho anh H chăm sóc và xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh H giao con cho chị nuôi chị cũng đồng ý và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Tài sản, Công nợ chung vợ chồng: Không có, chị không yêu cầu Tòa xét.

Tại phiên tòa:

Anh Đoàn Văn H giữ nguY quan điểm về yêu cầu xin ly hôn. Về con chung: anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Đoàn Mạnh Q sinh ngày 14/10/2012 và Đoàn Nguyễn Bình Y sinh ngày 17/7/2016, không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung ; tài sản chung: không đề nghị Toà xét; công nợ chung: không có không đề nghị Toà xét.

Chị Nguyễn Thị L xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. NguY đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: *Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Văn H. Giao hai con chung là các cháu Đoàn Mạnh Q sinh ngày 14/10/2012 và Đoàn Nguyễn Bình Y, sinh ngày 17/7/2016 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng,chăm sóc. Ttạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không xét quan hệ tài sản, công nợ chung vợ chồng. Anh H pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị L xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Toà án T hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Văn H và chị Nguyễn Thị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, thông qua việc đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2012 tại UBND xã Phúc T, huyện Phú X (cũ), TP Hà Nội (nay là xã Đại X, TP Hà Nội). Quá trình chung sống, vợ chồng đã có một thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc và pH đến năm 2021 thì mới phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được T nói chung và không có niềm tin ở nhau, chị L nghi ngờ anh H ngoại tình. Đến khoảng giữa năm 2021, anh chị đã ly thân nhau. Qúa trình giải quyết vụ án các bên đều xác định tình cảm, hạnh phúc, không còn và không thể chung sống với nhau. Lý do chị L không thuận tình ly hôn, thuần túy là do yêu tố tâm lý nhất thời, chứ không xuất phát từ mục đích được hàn gắn hôn nhân. HĐXX nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đã thực sự trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân hơn 04 năm, cần áp dụng các quy định của điều 39 BLDS, các điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh H được được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Đoàn Mạnh Q sinh ngày 14/10/2012 và Đoàn Nguyễn Bình Y sinh ngày 17/7/2016. Hiện khác cáu đang ở với anh. Xét nguyện vọng anh H, chị L và các con, đều đồng ý giao cả hai cháu cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hợp tình, hợp lý, Tòa chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con, chung cho chị L đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị L được Q đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản, công nợ chung vợ chồng: Các bên xác nhận không có tài sản công nợ chung, không đề nghị Tòa xét nên không xét.

Về án phí: Anh H pH chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 39 BLDS; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. TuY xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn H.

- ***Về hôn nhân***:Anh Đoàn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

- ***Về con chung***: Giao các cháu Đoàn Mạnh Q sinh ngày 14/10/2012 và Đoàn Nguyễn Bình Y sinh ngày 17/7/2016 cho anh Đoàn Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị L đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L được Q đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

***- Về tài sản, công nợ chung vợ chồng*:** Các bên không yêu cầu Tòa xét. Tòa không xét.

- ***Về án phí***: Anh Đoàn Văn H pH nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 001672 ngày 23/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Hà Nội. Anh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguY đơn có mặt có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án, bị đơn vắng mặt có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội
- VKSND khu vực 12 - Hà Nội
- Chi cục THA khu vực 12 - Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuY án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về

kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) NguY đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). NguY đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguY đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ Q của nguY đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguY đơn; nếu là người đại diện theo uỷ Q thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ Q ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguY đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ Q của nguY đơn (Văn bản uỷ Q ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của nguY đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguY đơn thì ghi cụ thể bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho nguY đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguY đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không pH chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì pH ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần pH giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án pH căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguY tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề pH giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và Q kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định pH thi hành ngay thì pH ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì pH ghi rõ nội dung về Q yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì pH có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này pH lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm pH giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)